

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN THÁI THỤY  
TỈNH THÁI BÌNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – hạnh phúc**

Bản án số: 44 /2022/HNGĐ-ST

Ngày: 26 - 8 - 2022

V/v: Ly hôn giữa chị Th và anh Tr

**NHÂN DANH**

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THÁI THỤY, TỈNH THÁI BÌNH**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Lê Thị Hương Lan

*Các hội thẩm nhân dân:* Ông Phan Văn Tiến và bà Vũ Thị Thuý

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Phạm Thị Diệu Thúy – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình ghi biên bản phiên tòa.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thái Thụy:** Bà Phạm Thị Thanh Hải – kiểm sát viên.

Ngày 26/8/2022, tại phòng xét xử Tòa án nhân dân huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình xét xử công khai sơ thẩm vụ án dân sự hôn nhân và gia đình thụ lý số 48/2022/TLST- HNGĐ ngày 29 tháng 3 năm 2022 về việc Tranh chấp Hôn nhân và gia đình theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 39/2022/QĐST- HNGĐ ngày 27/7/2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 23/2022/QĐST-HNGĐ ngày 12 tháng 8 năm 2022, giữa:

*Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Thị Th, sinh năm 1997 – *Đề nghị xử vắng mặt*

*Địa chỉ:* thôn LT, xã TT, huyện Thái Thụy, Thái Bình

*Bị đơn:* Anh Vũ Xuân Tr, sinh năm 1988 – *Vắng mặt*

*Địa chỉ:* SN 30, tổ dân phố số 8, thị trấn D Đ, huyện TT, tỉnh Thái Bình

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Tại đơn khởi kiện, bản tự khai, các đơn gửi Tòa án, ý kiến tại phiên hòa giải nguyên đơn là chị Nguyễn Thị Th trình bày:*

*Về quan hệ hôn nhân:* Chị và anh Vũ Xuân Tr, sinh năm 1988, địa chỉ: SN 30, tổ dân phố số 8, thị trấn D Đ, huyện TT, tỉnh Thái Bình tự nguyện tìm hiểu, kết hôn với nhau vào ngày 22/01/2018. Sau khi kết hôn chị và anh Tr học tập và làm việc tại Hà Nội, chung sống hạnh phúc đến năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do vợ chồng bất hòa không cùng quan điểm sống và lối sống dẫn đến thường xuyên cãi nhau thậm chí có đánh chửi. Mâu thuẫn căng thẳng từ tháng 5/2019 dẫn đến chị và anh Tr ly thân. Đến nay, tình cảm chị dành cho anh Tr không còn, chị không gặp

gỡ và không còn quan tâm tới anh Tr nữa. Nay chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị ly hôn anh Tr.

*Về việc nuôi dưỡng con chung:* Chị và anh Vũ Xuân Tr không có con chung.

*Về tài sản chung, nợ chung:* Chị và anh Vũ Xuân Tr không có tài sản chung, không nợ ai nên chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*\* Tại bản tự khai ngày 19/7/2022, biên bản làm việc ngày 19/7/2022 bị đơn là anh Vũ Xuân Trường trình bày:*

Anh và chị Th tự nguyện tìm hiểu, kết hôn với nhau vào ngày 22/01/2018 có đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn D Đ. Quá trình chung sống anh và chị Th không phát sinh mâu thuẫn gì lớn, đến ngày 28/3/2019 thì anh phát hiện chị Th có quan hệ với người khác nên hai bên có xảy ra cãi vã, sau đó chị Th tự ý bỏ đi không cùng chung sống với anh nữa. Anh đã nhiều lần gọi điện liên lạc với chị Th để nói chuyện, hàn gắn quan hệ nhưng chị Th không cho gặp. Nay chị Th có đơn yêu cầu giải quyết ly hôn anh xác định mâu thuẫn giữa anh và chị Th chưa căng thẳng đến mức ly hôn, còn có thể hòa giải nên anh không đồng ý ly hôn với chị Th. Anh và chị Th không có con chung. Từ năm 2015 chị Th học đại học, thời điểm đó do đã chung sống với chị Th nên anh đã có trách nhiệm chăm lo, vay mượn cho chị Th ăn học và chi phí cho sinh hoạt gia đình, tổng số nợ anh đã vay là 200.000.000 đồng. Anh đề nghị chị Th phải có trách nhiệm đối với khoản anh đã vay mượn. Anh đã nhận được Quyết định yêu cầu cung cấp chứng cứ cụ thể về từng khoản vay nợ ngày 18/7/2022. Anh sẽ giao nộp chứng cứ về việc vay nợ cho Tòa án sau thời gian 03 ngày kể từ ngày nhận được quyết định là ngày 19/7/2022. Trường hợp đến ngày 22/7/2022 nếu anh không giao nộp tài liệu, chứng cứ thì coi như anh không có yêu cầu giải quyết về nợ.

Tại biên bản lấy lời khai ông Vũ Ngọc T là bố đẻ anh Tr ngày 08/7/2022 có nội dung: Anh Tr và chị Th có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Quá trình chung sống bình thường đến tháng 5/2019 anh Tr phát hiện chị Th nhắn tin quan hệ với người khác nên phát sinh mâu thuẫn. Do có mâu thuẫn nên chị Th và anh Tr không cùng chung sống từ tháng 5/2019 đến nay. Gia đình ông đã hòa giải hàn gắn tình cảm cho anh Tr chị Th nhưng chị Th và gia đình nhà chị Th không hợp tác, hai bên không nói chuyện được với nhau. Ngày giỗ, Tết chị Th cũng không về.

Do không hòa giải được nên phải đưa vụ án ra xét xử

Tại phiên tòa, kiểm sát viên phát biểu về tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, của Hội đồng xét xử kể từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử vào nghị án đều đúng quy định. Về nội dung vụ án: Đại diện Viện kiểm sát đề nghị áp dụng khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56 xử cho chị Th ly hôn anh Tr; Anh Tr và chị Th không có con chung nên không đặt ra việc giải quyết về con chung. Về tài sản chung: Do các đương sự đều không yêu cầu nên không xem xét giải quyết; Về nợ chung: Chị Th không yêu cầu Tòa án giải quyết;

anh Trường không cung cấp tài liệu, chứng cứ theo yêu cầu của Tòa án nên không có cơ sở để giải quyết. Chị Th phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

#### **[1] Về tố tụng:**

Tranh chấp giữa nguyên đơn và bị đơn là tranh chấp về hôn nhân gia đình thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình theo quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn đề nghị xét xử vắng mặt, bị đơn vắng mặt lần thứ hai không rõ lý do nên căn cứ vào khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt các đương sự.

#### **[2]. Xét yêu cầu của nguyên đơn:**

[2.1]. *Quan hệ hôn nhân*: Chị Nguyễn Thị Th và anh Vũ Xuân Tr có đủ điều kiện kết hôn, đăng ký kết hôn vào ngày 22/01/2018 tại Ủy ban nhân dân thị trấn D Đ theo quy định của pháp luật – là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống do tính tình không hợp, vợ chồng không còn tin tưởng nhau nên phát sinh mâu thuẫn dẫn đến chị Thảo ra ở riêng ly thân với anh Tr từ tháng 5/2019 đến nay. Mặc dù anh Tr xác định mâu thuẫn giữa anh và chị Th chưa căng thẳng đến mức ly hôn, còn có thể hòa giải nên anh không đồng ý ly hôn với chị Th nhưng anh Tr cũng không đưa ra được giải pháp hòa giải đoàn tụ với chị Th, sau buổi làm việc ngày 19/7/2022 anh Tr không tham gia phiên hòa giải nữa. Xét thấy mâu thuẫn giữa chị Th và anh Tr đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên áp dụng khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 xử cho chị Th ly hôn anh Tr.

[2.2]. *Về con chung*: Chị Nguyễn Thị Th và anh Vũ Xuân Tr không có con chung nên không đặt ra việc giải quyết về con chung.

[2.3]. *Về phân chia tài sản chung*: Do các đương sự đều không yêu cầu nên Tòa án không xem xét giải quyết.

[2.4]. *Về nợ chung*: Anh Vũ Xuân Tr yêu cầu chị Nguyễn Thị Th phải có trách nhiệm đối với số nợ 200.000.000 đồng anh vay mượn để chi phí cho việc ăn học của chị Th và sinh hoạt gia đình. Chị Th không thừa nhận khoản nợ này. Tòa án cũng đã ra Quyết định yêu cầu cung cấp chứng cứ, yêu cầu anh Tr cung cấp chứng cứ cụ thể về từng khoản nợ để làm cơ sở cho việc giải quyết về nợ chung nhưng anh Tr không cung cấp theo yêu cầu của Tòa án nên không có cơ sở để giải quyết về nợ chung.

[3]. *Về án phí*: Áp dụng điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí, chị Nguyễn Thị Th phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm.

*Vì các lẽ trên,*

## QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 4 Điều 147; Khoản 1 Điều 227; khoản 1 Điều 228; Điều 271; Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và Gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí:

**1. Về hôn nhân:** Xử cho chị Nguyễn Thị Th ly hôn anh Vũ Xuân Tr.

**2. Về việc nuôi dưỡng con chung:** Chị Nguyễn Thị Th và anh Vũ Xuân Tr không có con chung nên không đặt ra việc giải quyết về con chung.

**3. Về phân chia tài sản chung, nợ chung:** Do đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

**4. Về án phí:** Chị Nguyễn Thị Th phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm được đối trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai số 0004101 ngày 29/3/2022. Chị Nguyễn Thị Th đã nộp đủ án phí ly hôn sơ thẩm.

**5. Quyền kháng cáo:** Chị Nguyễn Thị Th và anh Vũ Xuân Tr vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ nhận tổng đạt hợp lệ bản án.

### Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND tỉnh Thái Bình;
- VKSND tỉnh Thái Bình
- VKSND huyện TT;
- UBND thị trấn D Đ (nơi ĐKKH);
- Thi hành án dân sự huyện TT;
- Lưu hồ sơ

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

**Lê Thị Hương Lan**



